TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/HNGĐ-ST.
Ngày: 22/3/2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27/02/2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp P, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Anh Lý Minh A, sinh năm 1981
Địa chỉ: Khóm K, Phường V, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh A tìm hiểu khoảng 06 tháng thì chung sống vợ chồng vào năm 2004, nhưng không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau, chị H và anh A chung sống bên nhà cha mẹ ruột anh A. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình

không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cự cãi. Ngoài ra, anh A còn ghi ngờ ghen tuông, cho rằng chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mỗi lần đi nhậu về hay kiếm chuyện chửi chị H. Từ tháng 12/2018, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột chị H sống và anh chị ly thân. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh A, anh chị không thể hàn gắn trở lại chung sống nên chị H yêu cầu ly hôn anh A.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên Trần Công V1, sinh ngày 24/8/2005 và con tên Trần Vinh Q, sinh ngày 17/4/2009, hiện 02 con đang sống với anh A. Khi ly hôn chị H đồng ý để 02 con cho anh A nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Minh A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh A và chị H tìm hiểu khoảng 06 tháng thì chung sống với nhau như vợ chồng mà không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình, quan điểm sống không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cãi. Sau đó, chị H bỏ nhà, bỏ con qua lại với người đàn ông khác. Nhiều lần anh A khuyên chị H về đoàn tụ vợ chồng chung sống để lo cho con, nhưng chị H không đồng ý. Nay anh A xác định không còn tình cảm với chị H, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống. Anh A đồng ý ly hôn chị H.

- Về nuôi con chung: Anh A thống nhất có 02 con tên Trần Công V1, sinh ngày 24/8/2005 và con tên Trần Vinh Q, sinh ngày 17/4/2009, hiện 02 con đang sống với anh A. Khi ly hôn anh A yêu cầu nuôi 02 con, anh A không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại văn bản trình bày ý kiến của con ngày 04/3/2019 cháu Trần Công V1 và cháu Trần Vinh Q trình bày: Khi cha, mẹ khi ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống chung với cha.

*** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:**

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận chị H và anh A là vợ chồng; Về nuôi con chung: Anh A được nuôi con chung tên Trần Công V1, sinh ngày 24/8/2005 và con tên Trần Vinh Q, sinh ngày 17/4/2009. Về cấp dưỡng nuôi con anh A không yêu cầu nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lý Minh A có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Trần Thị H về việc yêu cầu ly hôn anh Lý Minh A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị H và anh Lý Minh A chung sống vợ chồng từ năm 2004, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…"

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

" 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. .." .

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau từ năm 2004 cho đến nay, chị H và anh A phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị H và anh A đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị H và anh A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không còn phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, nghi ngờ, ghen tuông dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do chị chị H và anh A không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định**:**

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..".

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh chị cũng không còn tình cảm với nhau, quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không có giá trị về mặt pháp lý. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh A là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp

nhận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Trần Công V1, sinh ngày 24/8/2005 và Trần Vinh Q, sinh ngày 17/4/2009. Khi ly hôn, chị H và anh A thống nhất thỏa thuận, anh A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, cũng như nguyên vọng của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: chị H và anh A xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 71, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Lý Minh A.

2. Về nuôi con chung:

- Anh Lý Minh A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Công V1, sinh ngày 24/8/2005 và Trần Vinh Q, sinh ngày 17/4/2009. Hiện 02 con đang sống với anh A.

- Anh Lý Minh A không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi.

- Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 27/02/2019 theo biên lai thu số 0003684 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT
- VKS ND TPSĐ
- THA Dân sự TPSĐ
- Các đương sự
- Lưu h/s